

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Báo cáo tài chính Quý 01
ngày 31 tháng 03 năm 2015

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 12) ngày 26 tháng 8 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Thái Dương

Chủ tịch

(Từ ngày 11 tháng 4 năm 2015 trở đi)

Ông Trần Thanh Văn

Chủ tịch

(từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 đến ngày 10 tháng 4 năm 2015)

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Vũ Nhất Tâm

Thành viên

Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bảo Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 01a – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		726.059.619.845	867.201.220.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	74.306.228.675	200.636.882.571
Tiền	111		74.306.228.675	160.636.882.571
Các khoản tương đương tiền	112			40.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	165.000.000.000	145.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		165.000.000.000	145.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.761.385.959	61.381.972.363
Phải thu khách hàng	131		98.544.608.302	52.373.840.212
Trả trước cho người bán	132		2.203.444.821	5.821.567.338
Phải thu khác	136	6	9.994.723.872	5.164.971.757
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(2.041.490.118)	(2.041.490.118)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		60.099.082	63.083.174
Hàng tồn kho	140	7	367.841.436.869	448.492.173.873
1. Hàng tồn kho	141		374.050.111.044	451.700.848.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(6.208.674.175)	(3.208.674.175)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.150.568.342	11.690.191.288
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	5.333.406.622	3.027.173.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.986.123.350	5.705.023.706
Tài sản ngắn hạn khác	155		2.831.038.370	2.957.993.693
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		397.467.747.745	384.488.792.025
Tài sản cố định	220		353.436.061.423	364.494.340.121
Tài sản cố định hữu hình	221	8	322.657.471.175	333.229.376.890
Nguyên giá	222		715.843.387.079	711.809.189.486
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(393.185.915.904)	(378.579.812.596)
Tài sản cố định vô hình	227	9	30.778.590.248	31.264.963.231
Nguyên giá	228		55.780.846.048	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.002.255.800)	(24.515.882.817)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

Tài sản dở dang dài hạn	240		5.215.637.130	5.634.772.664
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	5.215.637.130	5.634.772.664
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	3.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	3.600.000.000	3.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		35.216.049.192	10.759.679.240
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.657.076.614	6.544.748.557
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.024.530.683	4.024.530.683
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		27.344.041.895	
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
TỔNG TÀI SẢN				
(270 = 100 + 200)	270		1.123.527.367.590	1.251.690.012.120
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		592.522.094.725	740.238.412.342
Nợ ngắn hạn	310		588.399.094.725	736.115.412.342
Phải trả người bán	311		80.227.546.836	95.569.286.119
Người mua trả tiền trước	312		4.815.019.065	7.675.620.874
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	17.958.482.525	18.507.028.249
Phải trả người lao động	314		61.483.681.991	79.028.472.138
Chi phí phải trả	315	16	44.806.825.318	34.404.052.268
Phải trả khác	319	17	1.285.414.404	1.080.124.549
Vay ngắn hạn	320	14	365.140.657.465	487.353.040.594
Dự phòng bảo hành và sửa chữa lớn	321	18	8.956.680.241	6.908.915.025
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		3.724.786.880	5.588.872.526
Nợ dài hạn	330		4.123.000.000	4.123.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		4.123.000.000	4.123.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

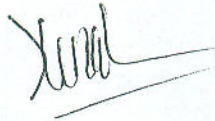
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		531.005.272.865	511.451.599.778
Vốn chủ sở hữu	410	19	531.005.272.865	511.451.599.778
Vốn góp của chủ sở hữu	411		269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ (*)	415	20	(14.419.110.657)	(14.419.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	84.681.949.730	57.694.106.730
Quỹ dự phòng tài chính				26.987.843.000
Lợi nhuận chưa phân phối	421		128.568.915.037	109.015.241.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		109.015.241.950	18.845.229.132
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ này	421b		19.553.673.087	90.170.012.818
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.123.527.367.590	1.251.690.012.120

Ngày 18 tháng 04 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Người soát xét:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thành Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 02a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			01/01/2015		01/01/2015	
			VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu	01	22	496.206.721.343	414.801.903.477	496.206.721.343	414.801.903.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.971.059.015	2.918.124	4.971.059.015	2.918.124
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		491.235.662.328	414.798.985.353	491.235.662.328	414.798.985.353
Giá vốn hàng bán	11		394.572.236.263	347.407.445.161	394.572.236.263	347.407.445.161
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		96.663.426.065	67.391.540.192	96.663.426.065	67.391.540.192
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.721.276.775	3.780.806.993	3.721.276.775	3.780.806.993
Chi phí tài chính	22	24	6.171.471.059	5.849.106.446	6.171.471.059	5.849.106.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.171.817.321	4.820.610.503	2.171.817.321	4.820.610.503
Chi phí bán hàng	25		61.552.509.395	43.249.621.603	61.552.509.395	43.249.621.603
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.853.037.288	6.577.969.584	5.853.037.288	6.577.969.584
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		26.807.685.098	15.495.649.552	26.807.685.098	15.495.649.552
Thu nhập khác	31	25	427.791.994	237.237.443	427.791.994	237.237.443
Chi phí khác	32		80.000.000	318.671.575	80.000.000	318.671.575
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		347.791.994	(81.434.132)	347.791.994	(81.434.132)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02a - DN

Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50	27.155.477.092	15.414.215.420	27.155.477.092	15.414.215.420
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.601.804.005	3.391.172.393	7.601.804.005	3.391.172.393
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52				
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	19.553.673.087	12.023.043.027	19.553.673.087	12.023.043.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	734	452	734	452
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	734	452	734	452

Ngày 18 tháng 04 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Người soát xét:



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 03a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		27.155.477.092	15.414.215.420
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		15.092.476.291	15.360.633.813
Các khoản dự phòng	03		(952.234.784)	-
Lãi tiền gửi	05		(3.138.882.551)	3.710.778.119
Chi phí lãi vay	06		2.171.817.321	4.820.610.503
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.328.653.369	39.306.237.855
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(43.536.542.009)	(7.699.616.904)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		77.650.737.004	41.584.544.921
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(15.746.747.907)	(207.284.427.262)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		581.439.210	(3.862.733.829)
			18.948.886.298	(177.262.233.074)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.171.817.321)	(4.095.023.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	26	(5.400.329.913)	(10.040.334.659)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		5.815.587.220	(3.420.867.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		57.520.979.653	(155.512.220.611)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua tài sản cố định	21		(5.015.486.971)	(17.888.772.468)
Tiền thu về nhượng bán TSCĐ	22		237.354.000	
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	23		(20.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu gửi NH có kỳ hạn	24		(40.000.000.000)	41.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.138.882.551	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(61.639.250.420)	(6.488.772.468)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	288.570.181.959	400.465.637.489
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(410.782.565.088)	(273.517.849.156)
Tiền trả cổ tức	36	-	(18.418.550.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(122.212.383.129)	108.529.237.483
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(126.330.653.896)	(53.471.755.596)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	200.636.882.571	199.966.907.621
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	74.306.228.675
			146.495.152.025

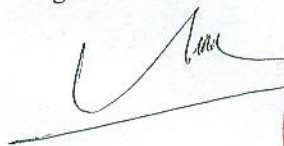
Ngày 18 tháng 04 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Người soát xét:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty có 1.077 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.096 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày cuối kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- Dụng cụ văn phòng 3 – 5 năm
- Khác 5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Phí chuyển giao công nghệ

Giá mua của phí chuyển giao công nghệ được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu :
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty đã thông qua Đại hội cổ đông phương án phát hành cổ phiếu trả bằng cổ phiếu là 15% nên có cổ phiếu suy giảm giá trị.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	760.560.971	740.367.151
Tiền gửi ngân hàng	73.545.667.704	159.896.515.420
Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000
	74.306.228.675	200.636.882.571

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7,8%.

6. Phải thu khác

	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	7.702.027.778	5.146.250.000
Phải thu khác	2.292.696.094	18.721.757
	9.994.723.872	5.164.971.757

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Hàng tồn kho

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	34.686.381.364	40.421.769.898
Nguyên vật liệu	121.890.997.800	159.784.651.608
Công cụ, dụng cụ	16.097.027.095	43.911.439.032
Sản phẩm dở dang	91.577.364.000	96.061.594.692
Thành phẩm	109.677.672.590	111.363.428.772
Hàng hóa	120.668.195	157.964.046
	374.050.111.044	451.700.848.048
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.208.674.175)	(3.208.674.175)
	367.841.436.869	448.492.173.873

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	131.429.785.375	549.701.123.972	20.746.648.145	8.650.726.694	1.280.905.300	711.809.189.486
Tăng giảm trong năm	1.374.981.818	3.645.831.817	(929.499.273)	(57.116.769)		4.034.197.593
Mua sắm mới trong kỳ		266.505.426				266.505.426
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	1.374.981.818	3.379.326.391				4.754.308.209
Điều chỉnh giảm do Ktoán NN Thanh lý			(22.727.273) (906.772.000)	(57.116.769)		(79.844.042) (906.772.000)
Số dư cuối kỳ	132.804.767.193	553.346.955.789	19.817.148.872	8.593.609.925	1.280.905.300	715.843.387.079
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	51.657.672.283	305.840.839.807	12.904.654.198	7.441.621.501	735.024.807	378.579.812.596
Khấu hao trong năm	2.108.670.648	12.753.596.944	451.510.012	217.994.965	54.884.850	15.586.657.419
Điều chỉnh giảm do Ktoán NN Thanh lý			(22.727.273) (906.772.000)	(51.054.838)		(73.782.111) (906.772.000)
Số dư cuối kỳ	53.766.342.931	318.594.436.751	12.426.664.937	7.608.561.628	789.909.657	393.185.915.904
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2015	79.772.113.092	243.860.284.165	7.841.993.947	1.209.105.193	545.880.493	333.229.376.890
Vào ngày 31/03/2015	79.038.424.262	234.752.519.038	7.390.483.935	985.048.297	490.995.643	322.657.471.175

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 169.525 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 157.045 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Phí chuyển giao công nghệ VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	3.431.895.988	55.780.846.048
Số dư cuối kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	3.431.895.988	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	20.158.018.795	3.671.484.825	686.379.197	24.515.882.817
Khấu hao trong kỳ	135.840.219	178.937.965	171.594.799	486.372.983
Số dư cuối kỳ	20.293.859.014	3.850.422.790	857.973.996	25.002.255.800
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2015	27.135.683.261	1.383.763.179	2.745.516.791	31.264.963.231
Vào ngày 31/03/2015	26.999.843.042	1.204.825.214	2.573.921.992	30.778.590.248

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 25.097 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.634.772.664	13.375.490.473
Tăng trong kỳ	6.315.110.646	24.087.864.369
Giảm trong kỳ	(6.734.246.180)	(31.828.582.178)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.020.813.635)	(28.396.686.190)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình		(3.431.895.988)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	(224.000.000)	
Chuyển sang CP sản xuất chung	(663.869.106)	
Chuyển sang CP bán hàng	(825.563.439)	
Số dư cuối kỳ	5.215.637.130	5.634.772.664

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	1.214.044.890	1.082.733.766
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.764.085.664	-
Chi phí sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	237.506.576	4.552.038.898
	5.215.637.130	5.634.772.664

11. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Việt Gia Phú, chi tiết như sau:

Đầu tư tài chính dài hạn	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ban hành lần đầu vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2014.	2,25%

Trước ngày 29 tháng 4 năm 2014, Công ty sở hữu 60% vốn của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú (“VGP”). Vào ngày 29 tháng 4 năm 2014, VGP tăng vốn từ 6 tỷ VND lên đến 160 tỷ VND và Công ty đã không tham gia lần tăng vốn này. Theo đó, VGP không còn là một công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 60% xuống 2,25%.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/13/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuê văn phòng và nhà xưởng (N)		315.111.467
Công cụ, dụng cụ (CCDC)	1.510.981.379	1.064.338.967
Phí quảng cáo (QC)	2.705.299.377	1.794.750.384
Khác (K)	802.014.399	48.084.538
	5.333.406.622	3.027.173.889

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/13/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thiết bị và công cụ, dụng cụ (CCDC)	3.169.232.029	5.532.349.130
Thuê văn phòng và nhà xưởng (N)	24.086.363	222.602.777
Khác (K)	463.758.222	789.796.650
	3.657.076.614	6.544.748.557

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay với điều khoản và điều kiện như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng CTBC)	USD	1,8% - 2,2%	21.158.059.902	64.330.452.147
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	1,5 % - 1,6%	15.615.457.971	135.312.202.369
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	1,8%	221.503.808.443	152.761.504.345
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank) (*)	VND	2,2% - 2,8%		49.687.568.573
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (*)	VND	3,5%		25.623.600.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	USD	1,8% - 2,6%		59.637.713.160
Ngân hàng MB	USD	1,6% - 1,7%	65.027.734.032	-
Ngân hàng BIDV	USD	1,6% - 1,8%	41.835.597.117	-
			365.140.657.465	487.353.040.594

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

- (*) Các khoản vay ngắn hạn này là các khoản vay bằng tiền Việt Nam Đồng nhưng được áp dụng lãi suất cho vay của các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Đô-la Mỹ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.730.804.675	3.529.330.583
Thuế thu nhập cá nhân	306.173.312	474.075.072
Thuế giá trị gia tăng	122.041.172	671.700.114
Phí thuê đất	11.569.223.580	13.829.560.480
Các loại thuế khác	230.239.786	2.362.000
	17.958.482.525	18.507.028.249

16. Chi phí phải trả

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hoa hồng & chiết khấu phải trả đại lý	23.638.319.399	29.767.223.959
Chi phí chênh lệch tỷ giá	2.339.062.146	-
Chi phí lãi vay	330.094.863	376.316.217
Chi phí phải trả khác	18.499.348.910	4.260.512.092
	44.806.825.318	34.404.052.268

17. Phải trả khác

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.124.839.660	903.096.200
Bảo hiểm xã hội	147.748.612	118.010.653
Cổ tức phải trả	-	-
Phải trả khác	12.826.132	59.017.696
	1.285.414.404	1.080.124.549

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Dự phòng phải trả

Biến động của khoản dự phòng bảo hành sản phẩm và sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	31.03.2015	31.12.2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.908.915.025	8.828.683.963
Dự phòng lập trong kỳ	-	-
Dự phòng kế hoạch sửa chữa lớn Quý 01/2015	2.047.765.216	
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ		(1.919.768.938)
Số dư cuối kỳ	8.956.680.241	6.908.915.025

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 01 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	50.253.243.359	26.987.843.000	103.482.528.318	498.478.022.775
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	74.408.588.711	74.408.588.711
Cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(53.250.062.000)	(53.250.062.000)
- Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.440.863.371	-	(7.440.863.371)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.184.949.708)	(8.184.949.708)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	57.694.106.730	26.987.843.000	109.015.241.950	511.451.599.778
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	19.553.673.087	19.553.673.087
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	26.987.843.000	(26.987.843.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	84.681.949.730		128.568.915.037	531.005.272.865

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 01 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(362.812)	(14.419.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31.03.2015		31.12.2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần. Theo thông tư 200/2014/TT/BTC Quỹ dự phòng tài chính được nhập vào quỹ đầu tư và phát triển và kể từ ngày 01/01/2015 sẽ không trích lập nữa.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/03/2015	31/03/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.138.882.551	3.710.778.119
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	406.167.056	70.028.874
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	176.227.168	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		-
	3.721.276.775	3.780.806.993

24. Chi phí tài chính

	31/03/2015	31/03/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.171.817.321	4.820.610.503
Chiết khấu thanh toán	34.000.701	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.626.590.891	1.028.495.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.339.062.146	
	6.171.471.059	5.849.106.446

25. Thu nhập khác

	31/03/2015	31/03/2014
	VND	VND
Bán thanh lý TSCĐ	237.354.000	
Bán phế liệu	130.903.254	237.237.443
Thu nhập khác	59.534.740	-
	427.791.994	237.237.443

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

26. Thuế thu nhập

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ tài chính.

	VNĐ		
	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	26.807.685.098	347.791.994	27.155.477.092
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	26.807.685.098	347.791.994	27.155.477.092
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	7.601.804.005		7.601.804.005
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ			3.529.330.583
Thuế TNDN đã trả trong kỳ			5.400.329.913
Thuế TNDN phải trả trong kỳ			7.601.804.005
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ			5.730.804.675

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 19.553.673.087 VNĐ (31.12.2014: 74.408.588.711 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.625.031 (31.12.2014: 26.625.031), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	31.03.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	19.553.673.087	74.408.588.711

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	31.03.2015	31.12.2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.625.031	26.626.331
Mua cổ phiếu quỹ		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	26.626.331	26.626.331

28. Cam kết

Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty có cam kết đầu tư mua sắm mới TSCĐ, sửa chữa lớn nâng cấp nhà xưởng, tư vấn triển khai phần mềm quản lý Nhà phân phối,.. bao gồm :

	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng		7.253.919.595
Máy móc và thiết bị	3.247.269.058	
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.232.798.221	
Tư vấn triển khai phần mềm quản lý	2.468.810.292	
Khác	51.351.230	
TỔNG CỘNG	7.000.228.801	7.253.919.595

Ngày 18 tháng 04 năm 2015

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Người soát xét:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này